

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1506 /2001/QĐ-NHNN

Hà nội, ngày 30 tháng 11 năm 2001

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Về việc ban hành Quy chế quản lý tiền mẫu, tiền lưu niệm, tiền đình chỉ lưu hành
PHẠP CHẾ
THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

- Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;
- Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Căn cứ Nghị định số 81/1998/NĐ-CP ngày 01/10/1998 của Chính phủ về in, đúc, bảo quản, vận chuyển và tiêu hủy tiền giấy, tiền kim loại; bảo quản, vận chuyển tài sản quý và giấy tờ có giá trong hệ thống Ngân hàng;
- Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1 Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế quản lý tiền mẫu, tiền lưu niệm, tiền đình chỉ lưu hành”.

Điều 2 Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 179/1999/QĐ-NHNN6 ngày 22/5/1999 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế quản lý tiền mẫu, tiền lưu niệm.

Điều 3 Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ, Vụ trưởng Vụ Kế toán-Tài chính, Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát, Giám đốc Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng; Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhân:

- Như điều 3;
- Lưu VP, PC, PHKQ.

K THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC *ne*
PHÓ THỐNG ĐỐC



QUY CHẾ QUẢN LÝ TIỀN MẪU, TIỀN LƯU NIỆM, TIỀN ĐÌNH CHỈ LƯU HÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1506 /2001/QĐ-NHNN

ngày 30 tháng 11 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

HẠP CHẾ

CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Quy chế này quy định việc in, đúc, bảo quản, vận chuyển, giao nhận, sử dụng tiền mẫu, tiền lưu niệm; việc bán tiền mẫu, tiền lưu niệm, tiền đình chỉ lưu hành của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2

Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước hạch toán ngoại bảng tiền mẫu, tiền lưu niệm, ghi chi tiết mệnh giá, chủng loại, số lượng, số sêri của từng tờ tiền mẫu và định kỳ kiểm kê, báo cáo theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

CHƯƠNG II. TIỀN MẪU

Điều 3

Tiền mẫu trong Quy chế này là đồng tiền giấy, tiền kim loại:

1. Có đầy đủ các yếu tố tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng như các loại tiền được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố lưu hành;

2. Tiền giấy mẫu được in thêm chữ "**Tiền mẫu**" hoặc chữ "**SPECIMEN**". Ngoài 2 hàng số sêri tượng trưng (ở vị trí tương ứng như đối với tiền giấy) gồm 2 chữ cái và các chữ số "0", ở mặt trước của tiền mẫu được in thêm hàng số sêri để phục vụ cho việc quản lý tiền mẫu.

Tiền mẫu được dùng làm chuẩn trong nghiệp vụ phát hành tiền, không có giá trị làm phương tiện thanh toán trong lưu thông. Ngoài ra, tiền mẫu còn được sử dụng làm vật đối chứng hay sử dụng cho mục đích nghiên cứu, bảo tàng, giới thiệu, sưu tập, lưu niệm.

Điều 4

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định số lượng, chủng loại tiền mẫu cần in, đúc trên cơ sở đề nghị của Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ.

2. Việc in, đúc tiền mẫu được thực hiện theo quy định như đối với in, đúc tiền.

Điều 5

1. Căn cứ mục đích, nhu cầu sử dụng và số lượng tiền mẫu được in, đúc, Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ cấp tiền mẫu cho các đối tượng sau:
 - a. Các bộ phận chức năng thuộc Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ;
 - b. Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước; Văn phòng đại diện của Ngân hàng Nhà nước;
 - c. Ngân hàng thương mại Nhà nước Trung ương, Kho bạc Nhà nước Trung ương, Quỹ tín dụng Nhân dân Trung ương.
 - d. Các đơn vị thuộc các Bộ, Ngành có liên quan trong công tác đấu tranh chống tiền giả.

2. Trong phạm vi số lượng tiền mẫu được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm cân đối nhu cầu sử dụng tại đơn vị và cấp tiền mẫu cho các đối tượng mở tài khoản giao dịch chính tại đơn vị mình, gồm tổ chức tín dụng, sở giao dịch của tổ chức tín dụng, chi nhánh của tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước trên địa bàn; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thực hiện việc cấp tiền mẫu cho các đơn vị cùng cấp có liên quan trong công tác đấu tranh bảo vệ tiền Việt Nam.

3. Vụ trưởng Vụ Nghiệp vụ Phát hành và Kho quỹ xem xét trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt việc cấp tiền mẫu cho các ngân hàng nước ngoài có quan hệ, trao đổi tiền mẫu với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các đối tượng khác.

Điều 6

1. Việc bảo quản, giao nhận, vận chuyển tiền mẫu giữa các kho tiền Trung ương, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo các quy định của Ngân hàng Nhà nước như đối với bảo quản, giao nhận, vận chuyển tiền.

2. Đối tượng được cấp tiền mẫu theo khoản 1 và khoản 2, điều 5 Quy chế này nếu làm mất tiền mẫu, ngoài việc phải chịu các hình thức xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính còn phải chịu trách nhiệm bồi thường vật chất. Mức bồi thường vật chất bằng mệnh giá số tiền mẫu đã bị mất. Sau đó, Ngân hàng Nhà nước có thể cấp lại tiền mẫu cho đơn vị sử dụng.

3. Tiền mẫu hỏng hoặc bị rách, nát trong quá trình sử dụng của các đối tượng được cấp tiền mẫu theo khoản 1 và khoản 2, điều 5 Quy chế này được Ngân hàng Nhà nước nơi trực tiếp cấp tiền mẫu xem xét, thu đổi. Việc thu đổi được thực hiện ngang mệnh giá, cùng chủng loại và không thu phí.

Điều 7

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thu hồi một phần hoặc toàn bộ số tiền mẫu đã cấp theo điều 5, Quy chế này trong các trường hợp: